

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

BIÊN BẢN KIỂM KÊ
Năm 2021

Mẫu số: C53-HD

(Ban hành theo thông tư số 107/2017/TT-BT ngày
10/10/2017 của Bộ Tài Chính)

Thời điểm kiểm kê: Ngày Tháng Năm

Số BB: 56/74

Ban kiểm kê gồm:

- Bà: Nguyễn Thị Thu Cúc	Chức vụ: Chủ tịch HĐ kiểm kê TS	Đơn vị: Ban giám hiệu
- Ông: Trần Đình Luân	Chức vụ: Ủy viên HĐ kiểm kê TS	Đơn vị: Phòng Quản trị và Đầu tư
- Ông: Hoàng Việt Dũng	Chức vụ: Ủy viên HĐ kiểm kê TS	Đơn vị: Phòng Kế hoạch - Tài chính
- Ông: Trần Đình Diệu	Chức vụ: Ủy viên HĐ kiểm kê TS	Đơn vị: Phòng Kế hoạch - Tài chính
- Ông/bà: <i>Trần Anh Tuấn</i>	Chức vụ: <i>Chuyên viên KTV</i>	Đơn vị: <i>P. QTĐT</i>
- Ông/bà: <i>Nguyễn Nhân Dũng</i>	Chức vụ:	Đơn vị: <i>Văn NNTN</i>
- Ông/bà:	Chức vụ:	Đơn vị:
- Ông/bà:	Chức vụ:	Đơn vị:

Đề kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: Phòng TN: Trại ngọt Hưng Nguyên (01420), kết quả như sau:

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
1	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.003	586	1/1/2014		1	1	
2	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.004	587	1/1/2014		1	1	
3	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.005	588	1/1/2014		1	1	
4	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.006	589	1/1/2014		1	1	

5	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.007	590	1/1/2014		1		
6	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.008	591	1/1/2014		1		
7	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.009	592	1/1/2014		1		
8	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.010	593	1/1/2014		1		
9	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.011	594	1/1/2014		1		
10	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.012	595	1/1/2014		1		
11	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01420.00.030000.013	596	1/1/2014		1		
12	Mạng điện cho toàn trại	01420.00.030000.068	597	1/1/2014		1		
13	Hệ thống kiểm tra chất lượng nước	01420.00.030000.069	598	30/12/2014		1		

14	Máy bơm LT270-12 15kw - trạm bơm	01420.01.030000.001	599	10/7/2017		2	2	
15	Tủ lạnh Sanyo	01420.00.110000.073	8166	30/9/2017		1	1	
16	Xe Kiến An	01420.01.110000.001	8167	5/5/2016		1	1	
17	Bình inox, bình đứng, loại 1000L	01420.01.110000.002	8168	5/5/2016		1	1	
18	Giá đỡ bình inox cao 3m, hàn bằng ống thép	01420.01.110000.003	8169	5/5/2016		1	1	
19	Máy bơm nước lên bồn inox loại 0.75 kw, hút chân không	01420.01.110000.004	8170	5/5/2016		1	1	
20	Lưới kéo cá (loại dài 60m, cao 3.5m, chì dày)	01420.01.110000.005	8171	5/5/2016		1	1	
21	Tủ nhôm kính	01420.00.120000.002	10371	1/1/2006		8	.	
22	Tủ tài liệu sắt 2 cánh	01420.00.120000.003	10372	1/1/2006		1	1	

23	Bàn học sinh lim 1,2m	01420.00.120000.005	103'73	1/1/2002		8	8	
24	Ghế tựa nhựa to	01420.00.120000.006	103'74	1/1/2010		9	9	
25	Tủ đựng tài liệu sắt	01420.00.120000.011	103'75	1/1/2002		2	2	
26	Giường tầng sắt V	01420.00.120000.016	103'76	1/1/2002		7	7	
27	Bảng chống lóa Cramic 2,4m	01420.00.120000.018	103'77	1/1/2006		1	1	

Nghệ An, ngày Tháng năm

TRƯỞNG BAN KIỂM KÊ

PHÒNG KH-TC

PHÒNG QT&ĐT

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

BỘ PHẬN KIỂM KÊ


Ng. Tiến Dũng


Trần Anh Tuấn

Trần Đình Diệu